

Số: 18 /2024/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 17 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã; tiêu chuẩn cụ thể của từng chức danh công chức cấp xã và ngành đào tạo theo yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã; tiêu chuẩn cụ thể của từng chức danh công chức cấp xã và ngành đào tạo theo yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Người được giới thiệu, chỉ định, bầu cử giữ các chức vụ cán bộ cấp xã;
- b) Người tham gia dự tuyển các chức danh công chức cấp xã.
- c) Cán bộ, công chức cấp xã; cán bộ cấp xã khi được tiếp nhận làm công chức cấp xã.
- d) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.
- đ) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.
- e) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã

1. Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy

- a) Độ tuổi: khi tham gia giữ chức vụ lần đầu phải đủ tuổi công tác ít nhất trọn 01 nhiệm kỳ (60 tháng), trường hợp đặc biệt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ;
- b) Trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông;
- c) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên;
- d) Trình độ lý luận chính trị: Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên;
- đ) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Đảng và cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ.

2. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, Chủ tịch Hội Nông dân

- a) Độ tuổi: độ tuổi lần đầu tham gia các chức vụ nêu trên ít nhất trọn một nhiệm kỳ (trường hợp có chỉ đạo, hướng dẫn mới của Trung ương tại các nhiệm kỳ đại hội của Mặt trận Tổ quốc, đại hội của tổ chức chính trị - xã hội thì thực hiện theo chỉ đạo, hướng dẫn mới);
- b) Trình độ giáo dục phổ thông: tốt nghiệp trung học phổ thông;
- c) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: tốt nghiệp đại học trở lên;
- d) Trình độ lý luận chính trị: tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên. Trường hợp được bầu giữ chức vụ lần đầu không yêu cầu đáp ứng tiêu chuẩn này nhưng phải hoàn thiện tiêu chuẩn trong thời gian 03 năm (ba mươi sáu tháng) kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền chuẩn y giữ chức vụ;
- đ) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Đảng, của tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ.

3. Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

- a) Độ tuổi: giữ chức vụ không quá 35 tuổi; riêng các trường hợp công tác tại các đơn vị hành chính cấp xã vùng III (theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) hoặc đơn vị hành chính biên giới giữ chức vụ không quá 37 tuổi;
- b) Trình độ giáo dục phổ thông: tốt nghiệp trung học phổ thông;
- c) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: tốt nghiệp đại học trở lên;
- d) Trình độ lý luận chính trị: tốt nghiệp sơ cấp trở lên.

đ) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Đảng, của tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ.

4. Chủ tịch Hội Cựu chiến binh

a) Độ tuổi: được bầu giữ chức vụ lần đầu phải dưới 60 tuổi; trường hợp tái cử được giữ chức vụ không quá 65 tuổi; trường hợp đặc biệt ở những nơi khó khăn về nguồn, nếu cán bộ còn đủ sức khỏe, có năng lực, có tín nhiệm với tổ chức Hội và được cấp có thẩm quyền đồng ý thì tham gia công tác Hội không quá 70 tuổi;

b) Trình độ giáo dục phổ thông: tốt nghiệp trung học phổ thông;

c) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: tốt nghiệp đại học trở lên;

d) Trình độ lý luận chính trị: tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên.

đ) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Đảng, của tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ.

5. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân

a) Độ tuổi: khi tham gia giữ chức vụ lần đầu phải đủ tuổi công tác ít nhất trọn 01 nhiệm kỳ (60 tháng), trường hợp đặc biệt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ;

b) Trình độ giáo dục phổ thông: tốt nghiệp trung học phổ thông;

c) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: tốt nghiệp đại học trở lên;

d) Trình độ lý luận chính trị: tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên;

đ) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, của pháp luật có liên quan, quy định của Đảng và cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ.



Điều 3. Tiêu chuẩn cụ thể của từng chức danh công chức cấp xã

1. Đối với các chức danh Văn phòng - thống kê; Tài chính - kế toán; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Văn hóa - xã hội:

a) Độ tuổi: đủ 18 tuổi trở lên;

b) Trình độ giáo dục phổ thông: tốt nghiệp trung học phổ thông;

c) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: tốt nghiệp đại học trở lên;

2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã

a) Độ tuổi: đủ 18 tuổi trở lên;

b) Trình độ giáo dục phổ thông: tốt nghiệp trung học phổ thông;

c) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: tốt nghiệp trung cấp trở lên.

d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự.

3. Đối với chức danh Tư pháp - hộ tịch

a) Độ tuổi: đủ 18 tuổi trở lên;

b) Trình độ giáo dục phổ thông: tốt nghiệp trung học phổ thông;

c) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: tốt nghiệp trung cấp trở lên.

Điều 4. Ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã

1. Căn cứ xác định ngành đào tạo phù hợp

- a) Tiêu chuẩn, chức trách, nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã.
- b) Ngành đào tạo ghi trên bằng tốt nghiệp phù hợp với các ngành đào tạo do Bộ, ngành trung ương quy định để xác định ngành đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Ngành đào tạo phù hợp với từng chức danh

- a) Chỉ huy trưởng Quân sự: các ngành thuộc nhóm ngành Quân sự.
- b) Văn phòng - thống kê, gồm những ngành thuộc các nhóm ngành: Khoa học chính trị; Thông tin - Thư viện; Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng; Quản trị - Quản lý; Báo chí và truyền thông; Thống kê; Công nghệ thông tin; Luật.

c) Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã)

Phụ trách Địa chính - xây dựng và môi trường, gồm ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ và những ngành thuộc các nhóm ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa học môi trường; Kiến trúc và Quy hoạch; Xây dựng; Quản lý xây dựng.

Phụ trách nông nghiệp, gồm những ngành thuộc các nhóm ngành: Nông nghiệp; Lâm nghiệp; Thủy sản; Thú y.

d) Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn), gồm ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ và những ngành thuộc các nhóm ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa học môi trường; Kiến trúc và Quy hoạch; Xây dựng; Quản lý xây dựng.

e) Tài chính - kế toán gồm các ngành: Tài chính - Ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán; Kế toán hành chính sự nghiệp.

g) Tư pháp - hộ tịch gồm các ngành thuộc nhóm ngành Luật.

h) Văn hóa - xã hội, gồm các ngành: Tôn giáo học, Gia đình học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa; Quản lý thể dục thể thao; Du lịch; những ngành thuộc các nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam; Xã hội học và Nhân học; Báo chí và truyền thông; Thông tin - Thư viện; Công tác xã hội.

Riêng công chức Văn hóa - xã hội phụ trách lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội, bổ sung ngành Kế toán là ngành đào tạo phù hợp.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cán bộ, công chức cấp xã đang giữ chức vụ, chức danh quy định tại Điều 5 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố mà chưa đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 2, Điều 3, Điều 4 Quyết định này, thì trong thời hạn 05 năm kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023 phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định. Hết thời hạn này mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định thì thực hiện chế độ nghỉ hưu (nếu đủ điều kiện) hoặc tinh giản biên chế theo quy định.

2. Trường hợp Trung ương có ban hành quy định các ngành đào tạo phù hợp các chức danh công chức cấp xã khác với Quyết định này thì áp dụng theo quy định của Trung ương.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện quy định về tiêu chuẩn cụ thể đối với các chức vụ cán bộ cấp xã; tiêu chuẩn và ngành đào tạo đối với các chức danh công chức cấp xã.

2. Các Sở, ngành có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nội vụ trong việc hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc quy hoạch, đào tạo, bố trí và sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đảm bảo đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

a) Rà soát thực trạng cán bộ, công chức cấp xã để làm căn cứ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo cán bộ cấp xã đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 2 Quyết định này; công chức cấp xã đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 3, Điều 4 Quyết định này.

b) Căn cứ ngành đào tạo quy định tại Điều 4 Quyết định này, xây dựng kế hoạch điều động, luân chuyển, tuyển dụng, lựa chọn ngành đào tạo, trình độ đào tạo theo từng chức danh và vị trí công chức để bố trí, sử dụng công chức cấp xã đảm bảo đúng quy định.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XV tỉnh Hà Giang;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban xây dựng đảng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, CV NCTH;
- TTr. Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Trung tâm TT-CB tỉnh;
- Lưu: VT, NCPC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn